

Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận

Trình tự thực hiện	<p>+ Người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực.</p> <p>+ <i>Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp.</i></p> <p>+ Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, <i>đối chiếu với bản sao, nếu nội dung bản sao đúng với bản chính, bản chính giấy tờ, văn bản không thuộc các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao thì thực hiện chứng thực như sau:</i></p> <p><i>* Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định;</i></p> <p><i>* Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.</i></p> <p><i>Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.</i></p> <p><i>Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực.</i></p> <p>+ Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.</p>
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp
Hồ sơ	Thành phần hồ sơ Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. <i>Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện</i>

	<p>để chụp.</p> <p>Số bộ hồ sơ: 01</p>
Thời hạn giải quyết	<p><i>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</i></p>
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>Tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Cá nhân - Tổ chức</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>Không có</p>
Phí, lệ phí	<p>- Tại Phòng Tư pháp: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. <i>Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính. Mức phí : 2.000 đồng/trang</i></p> <p>- <i>Tại Tổ chức hành nghề công chứng: 02 nghìn đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 01 nghìn đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200 nghìn đồng/bản. Mức phí :2.000 đồng/trang</i></p>

<p>Kết quả của việc thực hiện TTHC</p>	<p>Bản sao được chứng thực từ bản chính.</p>
<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC</p>	<p>Bản chính giấy tờ, văn bản cần chứng thực. Bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ. + Bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung. + Bản chính đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp. + Bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân. + Bản chính do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này. + Giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
<p>Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<p style="text-align: center;"> <u>Nghị định 23/2015/NĐ-CP</u> <u>Thông tư 20/2015/TT-BTP</u> <u>Thông tư 257/2016/TT-BTC</u> <u>Thông tư 226/2016/TT-BTC</u> <u>Thông tư 264/2016/TT-BTC</u> </p>